ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

HỌC KÌ 1

PHẦN I: CẤU TRÚC ĐỀ THI

Đề thi gồm có hai phần: - Phần 1: Đọc - hiểu văn bản: 3 điểm

- Phần 2: Nghị luận văn học: 7 điểm

PHẦN II. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

*** Về kĩ năng trả lời câu hỏi:**

1. Cấp độ nhận biết: Chỉ ra các thông tin liên quan, được thể hiện trong văn bản như tác giả, hoàn cảnh sáng tác, từ ngữ, chi tiết, nhân vật …phong cách ngôn ngữ, thao tác lập luận, phương thức biểu đạt, kiểu kết cấu… của văn bản.
2. Cấp độ thông hiểu: Xác định nội dung, chủ đề, thông điệp, hiểu được tác dụng của một hoặc nhiều biện pháp tu từ….
3. Cấp độ vận dụng: Sử dụng thông tin trong và ngoài văn bản để giải quyết các tình huống, vấn đề trong được đặt ra trong văn bản.
4. Cấp độ vận dụng cao: Viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ, bình luận, giải thích ý nghĩa tư tưởng và các giá trị của văn bản trong cuộc sống; vận dụng để giải quyết các tình huống/ vấn đề mới trong học tập và cuộc sống.

*** Một số dạng câu hỏi cần lưu ý:**

1. Gọi tên các biện pháp nghệ thuật và phân tích tác dụng của chúng.

- Đối với dạng câu hỏi này, các em cần ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, tương phản, chơi chữ, nói giảm nói tránh, nói quá,… và các biện pháp tu từ cú pháp như lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối,…
- Xác định được từ ngữ thực hiện.
- Nêu tác dụng cụ thể rõ ràng (tác dụng về nghệ thuật, tác dụng về nội dung). 2. Phương thức biểu đạt, phong cách ngôn ngữ chức năng.

3. Các kiểu kết cấu.
4. Nhận diện các cụm từ quan trọng, câu chủ đề, chủ đề …
5. Nêu cách hiểu về một câu văn, một câu thơ
6. Nêu thông điệp của đoạn văn bản.
7. Từ một vấn đề của văn bản, viết một đoạn văn liên hệ

Đối với dạng câu hỏi này các em cần rèn luyện kĩ năng viết một đoạn văn có hình thức và nội dung theo đúng yêu cầu của người ra đề (chọn kết cấu tổng phân hợp, diễn dịch, quy nạp).

PHẦN LÀM VĂN

*** Yêu cầu về kĩ năng:** Học sinh cần ôn lại:

- Kĩ năng làm một bài văn nghị luận văn học với kiểu bài phân tích, đánh giá một nhận định hay một vấn đề của tác phẩm văn học.
- Nắm kỹ năng xử lý đề, không đơn thuần là thuộc lòng nội dung văn bản
- Biết cách kết hợp các thao tác lập luận

*** Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh cần củng cố, hệ thống lại kiến thức những tác phẩm từ đầu học kì 1.

1. Đoạn trích VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH – LÊ HỮU TRÁC

* Tác giả: (1720 -1791)

Biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông. Quê quán: làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương.Ông là một nhà nho, nhà thơ, nhà văn, thầy thuốc. Ông biên soạn sách, mở trường dạy y thuật. - Tác phẩm: *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*

Tóm lại, ông là một danh y đức độ, tài ba, mẫu mực, một nhà nho thanh cao, tự tại, thoát tục.

* Tác phẩm: Thể loại: kí trung đại

- ***Giá trị nội dung*:** Thông qua đoạn trích, tác giả kín đáo phê phán cuộc sống xa hoa, truỵ lạc và lộng quyền nơi phủ Chúa. Đồng thời bộc lộ nhân cách thanh cao, thoát tục, xem nhẹ công danh của chính mình.
- ***Giá trị nghệ thuật:*** nghệ thuật miêu tả, quan sát tỉ mỉ, tinh tế, sinh động, cách ghi chép trung thực sự việc. Tác giả không trực tiếp bộc lộ thái độ mà dùng hình tượng để miêu tả, kết hợ với lời bình để bộc lộ quan điểm cá nhân. Tác phẩm là đỉnh cao của kí trung đại Việt Nam.

2. TỰ TÌNH (II) – HỒ XUÂN HƯƠNG

* Tác giả: (chưa rõ năm sinh, năm mất)

Là một kỳ nữ tài hoa với cuộc đời tình duyên nhiều éo le và ngang trái. Nội dung thơ ca của bà thường viết về phụ nữ; trào phúng mà trữ tình; đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng. Được Xuân Diệu đánh giá là " *Bà chúa thơ Nôm*"

* Tác phẩm: thể loại: thơ Nôm Đường luật

- ***Giá trị nội dung***: Qua lời tự tình, bài thơ nói lên bi kịch và khát vọng sống của Hồ Xuân Hương. Trong buồn tủi, người phụ nữ vẫn gắng gượng vượt lên trên số phận, cháy bỏng khát vọng về một hạnh phúc chân chính. Đó là sự thức tỉnh của ý thức cá nhân dẫn đến sự thức tỉnh về quyền con người . Người phụ nữ đẹp ngay trong cả bi kịch và nỗi đau của chính họ.

Tác phẩm lên tiếng tố cáo xã hội phong kiến chà đạp lên quyền sống của con người đồng thời bênh vực, bảo vệ và đòi quyền được hưởng hạnh phúc cho người phụ nữ.

- ***Giá trị nghệ thuật:*** Tác phẩm sử dụng từ ngữ nôm na, giản dị, hình ảnh thơ giàu sức gợi, đậm chất dân gian, diễn tả sâu sắc, tinh tế tâm trạng của người phụ nữ. Đó là phong cách riêng độc đáo, đặc sắc của nữ sĩ.

3. CÂU CÁ MÙA THU – NGUYỄN KHUYẾN

* Tác giả (1835 – 1909)

- Là một bậc túc nho tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc.

- Nội dung thơ: Thường bày tỏ tấm lòng yêu quê hương; phản ánh cuộc sống khổ cực của nhân dân, châm biếm đả kích bọn thực dân xâm lược. Được đánh giá là *Nhà thơ của dân tình, làng cảnh Việt Nam.*

* Tác phẩm: thơ Nôm Đường luật

- Điểm nhìn đặc sắc, linh hoạt: đi từ gần tới cao xa, từ cao, xa trở về gần (*Ao thu - thuyền câu - ao - trời - ngõ trúc - ao thu).* Điểm nhìn góp phần tạo ra một không gian thoáng đãng, rộng rãi, mênh mang.
- ***Giá trị nội dung***: Bài thơ là một bức tranh thu bình dị, không ước lệ, khuôn sáo với một mùa thu điển hình của làng quê Bắc bộ: thanh, cao, trong, nhẹ, đẹp nhưng man mác buồn. Ẩn trong bức tranh thu ấy là tình yêu thiên nhiên và tâm sự thời thế của tác giả.
- ***Giá trị nghệ thuật:***Ngôn ngữ giản dị, thoải mái, mộc mạc, trong sáng, biểu đạt sự vật một cách sinh động. Tác giả sử dụng nhiều từ láy vừa tăng tính thuần Nôm vừa tạo nhạc tính cho tác phẩm; vừa gợi lên vẻ sống động của sự vật, vừa diễn tả những biến thái tinh vi trong hồn người.

4. THƯƠNG VỢ - TRẦN TẾ XƯƠNG

* Tác giả (1870 -1907):

- Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân.Tài cao, học rộng, hiểu nhiều - chỉ đỗ tú tài - thường gọi Tú Xương, có tấm lòng thơ gắn bó sâu nặng với đất nước, với dân tộc. - Có nhiều cống hiến xuất sắc trên phương diện nghệ thuật: *Ông nghè, ông thám vô mấy khói / Đứng lại văn chương một tú tài.*

* Tác phẩm: Đề tài: Viết về người vợ, hay, cảm động, hiếm có trong dòng văn học trung đại. Thể loại: thơ Nôm Đường luật.

- ***Giá trị nội dung****:* Ca ngợi tấm lòng bao dung, độ lượng, sự đảm đang, thương yêu và lặng lẽ hy sinh vì chồng con của bà Tú. Đồng thời bày tỏ tấm lòng thương yêu vợ sâu sắc của Tú Xương.
- Giá trị hiện thực: phê phán lễ giáo phong kiến hà khắc, cổ hủ đã đẩy người phụ nữ vào hoàn cảnh vất vả, lo toan, cực nhọc.
- ***Giá trị nghệ thuật:*** nụ cười tự trào đặc sắc, từ ngữ nôm na, hóm hỉnh, giàu sức biểu cảm, vận dụng linh hoạt và sáng tạo thi liệu văn hóa dân gian.

5. BÀI CA NGẤT NGƯỞNG – NGUYỄN CÔNG TRỨ

* Tác giả (1778 -1858):

- Là nhà nho tài tử trung thành với lý tưởng trung quân trạch dân. Ông sống bản lĩnh, phóng khoáng, tự tin và có nhiều đóng góp cho đất nước. Ông được đánh giá là bậc thầy thơ Nôm và có công lớn trong việc phát triển thể thơ hát nói ở Việt Nam. * Tác phẩm:
- Thể loại: Hát nói: làn điệu chủ đạo của ca trù - hình thức nghệ thuật đặc biệt, thuần tuý Việt Nam. Thơ hát nói: là văn bản ngôn từ của bài nói. Nó có giá trị văn học cao; một thể thơ tự do, phóng khoáng (gần với thơ tự do sau này).
- Đề tài: bản tự tổng kết về cuộc đời của mình được nâng thành triết lí sống.
- Ngất ngưởng : Là sự tự khen, tự đánh giá cao tài năng, nhân cách ; Thể hiện thái độ khinh đời, ngạo thế, sự tự do, thoải mái, không ràng buộc theo khuôn mẫu.

- ***Giá trị nội dung***: Hình tượng cái tôi ngất ngưởng ngang tàng, phóng túng, tự tin và ý thức cao về tài năng và nhân cách của mình. Con người ấy có triết lý sống lạc quan, xem nhẹ vinh hoa phú quý và sự được mất trong đời. Tác phẩm đã xây dựng hình tượng có ý vị trào phúng nhưng ẩn đằng sau nụ cười là một thái độ, một quan điểm nhân sinh tiến bộ ít nhiều mang màu sắc hiện đại, bởi nó khẳng định một cá tính, không đi theo con đường chính thốn khuôn khổ, sáo mòn.
- ***Giá trị nghệ thuật:*** Ngôn ngữ lúc trang trọng (sử dụng nhiều từ Hán Việt), lúc đùa vui, hóm hỉnh. Giọng điệu: khoe khoang, phô trương, ngạo nghễ, ngang tàng, sảng khoái. Tác phẩm được xem là bài thơ tiêu biểu cho thể hát nói.

6. BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT – CAO BÁ QUÁT

* Tác giả (1809-1855)

- Là người có trí tuệ sáng suốt, tài cao học rộng, văn hay, viết chữ đẹp, có uy tín lớn trong giới trí thức đương thời. Ông có khí phách hiên ngang; tư tưởng tự do, ôm ấp hoài bão lớn, mong muốn sống có ích cho đời, luôn ước mơ đổi thay. Đặc biệt, Cao Bá Quát là người có nhân sinh quan tiến bộ, mới mẻ, khao khát thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến. * Tác phẩm:
- Thể loại: thuộc thể thơ cổ thể (thể hành). Đặc trưng: tự do, phóng khoáng; không gò bó về số câu, độ dài của câu, niêm luật; gieo vần linh hoạt
- Hình ảnh bãi cát: Tả thực: Gợi ra hình ảnh một con đường bất tận, mờ mịt, hoang vắng, vô cùng gian lao vất vả và đầy khó khăn, thử thách. Ý nghĩa tượng trưng: Con đường công danh của tác giả và tầng lớp trí thức phong kiến: nhọc nhằn, bó buộc, ngột ngạt và sự bế tắc, mệt mỏi, chán nản khi đi trên con đường đó.
- ***Giá trị nội dung***: Bài ca khắc họa hình tượng cô độc, nhỏ nhoi nhưng lại hết sức mạnh mẽ, vừa quả quyết vừa tuyệt vọng trên con đường đời đầy gian truân, mờ mịt. Nó chứa đựng sự phản kháng âm thầm đối với trật tự hiện hành, cảnh báo sự đổi thay tất yếu trong tương lai
- ***Giá trị nghệ thuật:*** Nhịp điệu thơ trúc trắc, ghập ghềnh tượng trưng cho con đường công danh nhiều trắc trở; sử dụng nhiều đại từ nhân xưng: tất cả đều là tác giả (Ông tự đặt mình vào nhiều vị trí), tự bộc lộ cảm xúc của chính mình, đối thoại với chính mình trong tâm trạng mâu thuẫn.

7. VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC- NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

* Tác giả: (1822 – 1888)

- Xuất thân trong một gia đình Nho giáo.
- 1843, ông đỗ tú tài.
- 1846, ông ra Huế học và chuẩn bị thi tiếp.
- Mẹ mất → ông bỏ thi về Nam chịu tang → bị đau mắt nặng → bị mù. - Về Gia Định: bốc thuốc, chữa bệnh, dạy học.
- Khi Pháp xâm lược: cùng nhân dân chống giặc, sáng tác thơ văn yêu nước, luôn tỏ thái độ bất hợp tác với giặc.

Là một nhà nho tiết tháo, mẫu mực, yêu nước thương dân.

- Nội dung thơ văn: lý tưởng đạo đức, nhân nghĩa: truyền dạy những bài học làm người chân chính; tinh thần nhân nghĩa + đạo đức của Nho giáo + tính nhân dân + truyền thống dân tộc. Lòng yêu nước, thương dân: ghi lại chân thực một thời đau thương của đất nước; khích lệ lòng căm thù giặc và ý chí cứu nước của nhân dân; ca ngợi gương anh hùng hy sinh vì nước…
- Nghệ thuật thơ văn: Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, chân chất → đậm chất Nam bộ; lối thơ thiên về kể; kết hợp tính cổ điển với tính dân gian. * Tác phẩm:
- Thể loại: Văn tế; thường gắn với phong tục tang lễ.
- Viết theo thể phú luật Đường – văn biền ngẫu.
- ***Giá trị nội dung:*** Bài văn tế có giá trị hiện thực lớn vì đã xây dựng một tượng đài sừng sững về người nông dân Cần Giuộc với tất cả vẻ đẹp tâm hồn và tầm vóc lịch sử của họ; có giá trị trữ tình lớn vì nó là tiếng khóc lớn của cả dân tộc dành cho những đứa con yêu quý.
- ***Giá trị nghệ thuật:*** Giọng văn đầy cảm xúc, trầm lắng, thống thiết, đậm chất trữ tình.Ngôn ngữ vừa trang trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ.

8. CHIẾU CẦU HIỀN – NGÔ THÌ NHẬM.

* Tác giả (1746- 1803) - Cựu thần của triều Lê. Sau ra giúp
Tây Sơn - Nguyễn Huệ. - Có nhiều đóng góp cho triều đại
Tây Sơn. * Tác phẩm:
- Thể loại: Công văn hành chính thời xưa: do vua truyền xuống bề tôi: chiếu, mệnh, lệnh, dụ…Chiếu thường mang nội dung mệnh lệnh, bắt buộc.
- ***Chiếu cầu hiền:*** Lời lẽ nhún nhường, mềm mỏng, lý lẽ sắc bén → Tạo sức thuyết phục.
- Đối tượng hướng tới: sĩ phu Bắc Hà - những bậc hiền tài.
- Mục đích: Thuyết phục nho sĩ Bắc Hà ra giúp nước.
- ***Giá trị nội dung:*** Nêu lên vai trò quan trọng của hiền tài đối với đất nước; ngầm phê phán cách ứng xử tiêu cực, ích kỉ và vô trách nhiệm của nho sĩ Bắc Hà và ca ngợi tầm nhìn xa rộng cũng như đường lối cầu hiền tiến bộ của vua Quang Trung.
- ***Giá trị ghệ thuật***: Bài nghị luận mẫu mực của văn chương trung đại.

9. HAI ĐỨA TRẺ – THẠCH LAM

* Tác giả:
- Sinh tại Hà Nội – thuở nhỏ sống ở phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương - Sáng tác: truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút.
- Vài nét về truyện ngắn:
  + Chú trọng những rung động tinh vi, nhạy cảm trong tâm hồn con người, chú trọng yếu tố cảm giác.
  + Hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn.
  + Truyện không có cốt truyện, ít sự kiện, ít hành động.

=> Ông là nhà văn nổi bật của nhóm Tự lực văn đoàn. *
Tác phẩm:
+ *Giá trị nội dung*

- Giá trị hiện thực: Tác phẩm là bức tranh sinh động, giàu giá trị nhân văn về cuộc sống cơ cực, quẩn quanh, không lối thoát của những con người dưới đáy xã hội trong giai đoạn chiến tranh. - Giá trị nhân đạo: Tác phẩm là bài thơ trữ tình đầy xót thương của tác giả đối với những mảnh đời nghèo khổ trong xã hội và sự trân trọng đối với những khát khao tinh thần nhỏ bé của họ. Thông qua tác phẩm, tác giả thể hiện thái độ cảm thông, chở che, sẻ chia với những cảnh ngộ tù túng mòn mỏi đồng thời ông mong muốn lay tỉnh họ và hướng họ tới cuộc sống tốt đẹp hơn. Ngoài ra, tác phẩm còn là tiếng nói tố cáo đối với những thế lực tàn ác đã hủy diệt đời sống vật chất, tinh thần của con người, đặc biệt là của trẻ em. + ***Giá trị nghệ thuật:***
- Tác phẩm miểu tả bức tranh phố huyện theo trình tự thời gian tuyến tính: phố huyện hoàng hôn, phố huyện về đêm và về khuya khi có chuyến tàu đi qua.
- Tác phẩm có cốt truyện đơn giản, nổi bật là dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật. Bức tranh phố huyện lại được nhìn và cảm nhận qua con mắt của nhân vật Liên – một cô bé mới lớn, nhạy cảm nên yếu tố cảm giác càng được tô đậm và giá trị nhân văn của tác phẩm cũng vì thế được thể hiện rõ nét hơn.
- Giọng điệu thủ thỉ, thấm đượm chất thơ.
- Lời thoại phân bố đều trong tác phẩm – Lời thoại lửng lơ, không nhất thiết phải trả lời tạo nên ấn tượng buồn nản, rời rạc.
- Chất liệu tối – sáng nhằm tạo ra bức tranh đối lập giữa khát vọng và bế tắc.
- Truyện không có cốt truyện, nội dung tác phẩm diễn biến theo tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

10. CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ – NGUYỄN TUÂN

* Tác giả:
- Sinh ra trong một gia đình nho giáo.
- Là một cây bút đặc biệt tài hoa, uyên bác và thích chơi ngông.
- Thành công rực rỡ với thể loại tuỳ bút.
- Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. Là nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp. * Tác phẩm:

+ ***Giá trị nội dung:***
- Thông qua vẻ đẹp tài hoa, khí phách và thiên lương của người tử tù Huấn Cao, Nguyễn Tuân đề cao cái Tài, cái Tâm của người nghệ sĩ chân chính đồng thời ông khẳng định cái Đẹp sẽ chiến thắng và cứu vớt con người, là nhịp cầu nối con người lại gần nhau. - Cảnh cho chữ: cảnh tượng độc đáo, *xưa nay chưa từng có* - khẳng định khát vọng sáng tạo cái Đẹp của người nghệ sĩ trong mọi hoàn cảnh.
- Từ tác phẩm, ông thể hiện thái độ trân trọng đối với các giá trị văn hoá truyền thống. Đó là biểu hiện của tinh thần dân tộc và lòng yêu nước thầm kín của nhà văn.

+ ***Giá trị nghệ thuật:***
- Dùng nhiều từ Hán Việt, từ cổ góp phần tạo không khí cổ xưa cho tác phẩm.
- Bút pháp tạo hình đặc sắc: cảnh cho chữ
- Tình huống truyện độc đáo, đặt các nhân vật trong hoàn cảnh gặp gỡ hết sức éo le để từ đó tô đậm kịch tính của tác phẩm và bộc lộ quan điểm duy mĩ của nhà văn. - Khắc hoạ nội tâm và tính cách nhân vật tinh tế, tài tình.

- Thủ pháp tương phản, đối lập (bóng tối – ánh sáng, cái cao cả - cái thấp hèn, cái thiện – cái ác, cái đẹp – cái xấu, …).

11. Chương truyện HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (trích SỐ ĐỎ) – VŨ TRỌNG PHỤNG

* Tác giả:
- Sinh ra trong một gia đình nghèo, chỉ tốt nghiệp tiểu học.
- Sống chật vật với nghề làm báo và viết văn.
- Là ngòi bút có sức sáng tạo dồi dào.
- Thành công nhất ở thể loại tiểu thuyết và phóng sự. Vũ Trọng Phụng là một trong những nhà văn hàng đầu của văn học hiện thực trào phúng Việt Nam. Tác phẩm của ông thường vạch trần bộ mặt xấu xa, phù phiếm của xã hội thực dân nửa phong kiến bằng một giọng văn thật đặc biệt. * Tác phẩm:

+ ***Giá trị nội dung:***
- Đoạn trích miêu tả cụ thể niềm vui của từng thànhviên trong tang gia cũng như ngoài tang gia để từ đó vạch trần thói đạo đức giả trong một gia đình thượng lưu đương thời và cũng từ đó chỉ rõ sự xuống cấp, suy đồi, tha hóa của cả một xã hội nửa ta, nửa Tây. Đó là một màn đại hài kịch phong phú và rất biến hoá.
- Từ nội dung chương truyện, tác giả phê phán, châm biếm xã hội thượng lưu thành thị rởm đời, giả dối, hãnh tiến; lên án những con người vì quyền lợi, tiền tài mà giẫm đạp lên đạo lý, tình người; mong muốn thức tỉnh lương tâm, nhận thức củacon người.

+ ***Giá trị nghệ thuật***
- Cách xây dựng nhan đề tạo nhiều bất ngờ qua sự song hành của hai cảm xúc đối lập: đau buồn và hạnh phúc. Sự đối lập ấy vừa gây tò mò, hấp dẫn vừa hé mở sự mỉa mai, châm biếm với một gia đình thượng lưu đặt tiền tài lên trên cả tình thân và đạo đức. - Nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật (có sự kết hợp miêu tả chân dung đám đông và chân dung cá nhân): đối lập giữa hành động bên ngoài với niềm vui, toan tính và động cơ bên trong
- Nghệ thuật quan sát, miêu tả độc đáo, sử dụng kỹ năng điện ảnh để dựng cảnh.
- Lời văn linh hoạt, giản dị. Câu văn có hình ảnh so sánh, liên tưởng độc đáo chứa đựng sự châm biếm, đả kích sâu sắc.
- Phát hiện tình huống mâu thuẫn và trào phúng đặc sắc.
- Sử dụng thủ pháp cường điệu, phóng đại, nói ngược, nói mỉa, đối lập…

12. CHÍ PHÈO – NAM CAO

* Tác giả:
- Quê quán: làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
- làng quê nghèo, dân đông, ruộng ít, bị bọn cường hào bóc lột trắng trợn, nặng nề, xuất hiện trong nhiều sáng tác của Nam Cao với tên gọi: làng Vũ Đại.
- Có quan điểm sáng tác rất rõ ràng và cụ thể. Nam Cao quan niệm: muốn viết cho nhân đạo thì phải sống cho nhân đạo
- Đề tài chính: người trí thức nghèo và nông dân nghèo.
- Phong cách nghệ thuật độc đáo.

* Tác phẩm:

+ ***Giá trị nội dung:***

- Tác phẩm tái hiện con đường tha hóa và hồi sinh của một người nông dân nghèo từ đó khẳng định bi kịch đau đớn, cay đắng nhất của họ là bi kịch bị từ chối quyền làm người vĩnh viễn vì dù cho họ có đánh đổi cả tính mạng để được trở lại làm người.
- Đồng thời qua tác phẩm, tác giả còn khẳng định bản chất lương thiện ẩn sâu trong trái tim mỗi con người mà hoàn cảnh, sự tàn ác của xã hội không thể tiêu diệt.
- Đó còn là tiếng kêu cứu đòi quyền lương thiện chongười nông dân trước sự áp bức, bóc lột của xã hội nửa thực dân phong kiến.
- Thể hiện tấm lòng yêu thương con người thiết tha,sâu nặng của tác giả. Tác phẩm là tiếng nói bênh vực quyền sống và nhân phẩm của con người.

+ ***Giá trị nghệ thuật:***

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình độc đáo, sống động, gây ấn tượng. - Khắc hoạ tâm lý nhân vật tài tình.
- Kết cấu mới mẻ, đầy sáng tạo - kết cấu tâm lý.
- Cốt truyện hấp dẫn, đầy kịch tính.
- Giọng văn trần thuật đặc sắc đa thanh đa giọng điệu, kết hợp, đan cài lồng ghép giữa đối thoại và độc thoại nội tâm.
- Ngôn ngữ giản dị mang hơi thở của cuộc sống.

PHẦN III. ĐỀ MINH HỌA VÀ ĐÁP ÁN

Đề 1

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm) Đọc đoạn trích sau:

Hãy kính trọng và yêu mến thầy giáo của con, con ạ (...) Hãy yêu mến thầy vì thầy mở mang và soi sáng trí thông minh cho con, và nâng cao tâm hồn của con lên. Sau này, khi con đã thành người lớn, mà cả bố lẫn thầy đều không còn trên đời này nữa, thì những kỉ niệm của thầy giáo sẽ hiện ra luôn luôn trong trí nhớ của con bên cạnh kỉ niệm của bố; và bấy giờ, con thấy không, có những đau đớn và mệt nhọc trên khuôn mặt đẹp của thầy sẽ làm cho con phiền muộn, dù đã ba mươi năm qua. Lúc ấy, con sẽ tự thẹn, con sẽ hối hận là đã không yêu mến thầy, là đã không ăn ở đúng đối với thầy. Con hãy yêu mến thầy, vì thầy là một thành viên của đại gia đình giáo giới ở khắp nơi trên toàn thế giới, dạy dỗ hàng nghìn trẻ em đang lớn lên cùng với con(...) Con hãy yêu mến thầy giáo như một người bố; yêu mến thầy khi thầy vuốt ve con, và cả những lúc thầy rầy la con; khi thầy công bằng và cả khi con cho rằng thầy không công bằng; hãy yêu mến thầy khi thầy vui, và càng yêu mến thầy hơn khi thầy buồn; và con hãy nói đến tiếng "thầy" với tấm lòng luôn luôn tôn kính, bởi vì sau tiếng "bố" thì đó là danh vị cao quý nhất, dịu dàng nhất mà một con người có thể dành tặng cho một con người khác.

(Edmondo de Amicis, *Những tấm lòng cao cả,* NXB Văn học, 2016, tr.97) Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định nghệ thuật nổi bật trong đoạn trích. *(1.0 điểm)*

Câu 2: Thông điệp mà người bố muốn gửi đến Enricô qua lời khuyên sau là gì? "*Con hãy yêu mến thầy giáo như một người bố; yêu mến thầy khi thầy vuốt ve con, và cả những lúc thầy rầy la con; khi thầy công bằng và cả khi con cho rằng thầy không công bằng; hãy yêu mến thầy khi thầy vui, và càng yêu mến thầy hơn khi thầy buồn*".*(1.0 điểm)*

Câu 3: Theo anh/ chị, xã hội ta có nhận thức được rằng: sau tiếng "bố" thì tiếng "thầy" là "*danh vị cao quý nhất, dịu dàng nhất mà một con người có thể dành tặng cho một con người khác"* và nói đến tiếng "thầy" với tấm lòng *luôn luôn tôn kính* chưa?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Về nhân vật Liên trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam, có ý kiến cho rằng, Liên là ánh sáng đẹp đẽ nhất trong một câu chuyện đầy bóng tối.

Từ gợi ý trên, hãy viết bài văn trình bày cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của nhân vật Liên trong tác phẩm.

…Hết…

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	1	Nghệ thuật nổi bật: phép điệp	1.0
	2	Thông điệp qua lời khuyên: Lời khuyên chân thành của người cha dành cho con: + Hãy dành cho thầy không chỉ sự kính trọng mà còn cả tình yêu thương và sự thông cảm, vị thầy cũng là con người với những cảm xúc đời thường. + Khi tình thương và niềm tin đủ lớn, con sẽ biết yêu kính và cảm thông, độ lượng với người thầy. + Yêu thương và kính trọng thầy là biểu hiện quan trọng của người có đạo đức, chính điều đó sẽ làm giàu cho tâm hồn con.	1.0
	3	HS nêu trả lời theo quan điểm cá nhân nhưng cần có cách lí giải thuyết phục, thể hiện thái độ tích cực, quan điểm nhân văn.	1.0
Làm văn	Bài làm có hình thức của một bài văn hoàn chỉnh, có đầy đủ bố cục 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.		0.5
	Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Liên		0.5
	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, và vấn đề nghị luận.		0.5
	Cảm nhận vẻ đẹp của nhân vật Liên: + *Hai đứa trẻ* là câu chuyện đầy bóng tối: bóng tối nhá nhem của ngày tàn, bóng tối đặc quánh của phố huyện lúc đêm về, của khu chợ tối tàn, của những cuộc đời không lối thoát. + *Liên là tia sáng đẹp đẽ nhất* trong không gian dày đặc bóng tối của truyện:		4.0

	. Liên nhạy cảm trước vẻ đẹp của đất trời quê hương qua cảm giác buồn man mác trước thời khắc của ngày tàn và cảm giác thích thú với bầu trời đêm. . Liên yêu mến cuộc sống và đón nhận cái *mùi âm ẩm* từ hương vị của đất quê, của những phiên chợ tàn. . Liên nhân hậu, giàu trắc ẩn trước cuộc sống mưu sinh của những đứa trẻ xóm chợ con nhà nghèo, quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị Tí, bác Siêu, vợ chồng bác xẩm, bà cụ Thi... Những mảnh đời nhòe nhoẹt trong bóng tối được gắn kết bởi tình thương của Liên mà trở nên ấm áp. . Liên khao khát đổi thay và không ngừng mơ tưởng. Chị em Liên trông đợi chuyến tàu đêm để sống lại quá khứ tươi đẹp, để nuôi dưỡng niềm tin vào sự đổi thay. + Sống giữa phố huyện nghèo nàn, Liên vẫn giữ được sự giàu có của tâm hồn. Liên vừa hòa nhập vừa đối lập với cuộc sống và trở thành nhân vật đẹp trong thế giới văn chương của Thạch Lam.	
	Đánh giá chung + Liên là nhân vật của văn học lãng mạn, được khám phá ở thế giới tâm hồn với ngôn từ giàu cảm xúc, hướng nội. + Ý kiến là sự gợi mở ý nghĩa cho người đọc trong cách tiếp nhận và khám phá nhân vật.	1.0
	Bài làm có sáng tạo trong cách thức trình bày hoặc có cách nhìn mới mẻ, thuyết phục về nội dung tư tưởng.	0.5

Đề 2

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

Cái quý giá nhất trên đời mà mỗi người có thể góp phần mang lại cho chính mình và cho người khác đó là "năng lực tạo ra hạnh phúc", bao gồm năng lực làm người, năng lực làm việc và năng lực làm dân.

Năng lực làm người là có cái đầu phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng -sai…, biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa yêu thương và giàu lòng trắc ẩn. Năng lực làm việc là khả năng giải quyết được những vấn đề của cuộc sống, của công việc, của chuyên môn, và thậm chí là của xã hội. Năng lực làm dân là biết được làm chủ đất nước là làm chủ cái gì và có khả năng để làm được những điều đó. Khi con người có được những năng lực làm việc này thì sẽ thực hiện được những điều mình muốn. Khi đó mỗi người sẽ trở thành một "tế bào hạnh phúc", một "nhà máy hạnh phúc" và sẽ ngày ngày "sản xuất hạnh phúc" cho mình và cho mọi người.

Xã hội mở ngày nay làm cho không ai là "nhỏ bé" trên cuộc đời này, trừ khi tự mình muốn "nhỏ bé". Ai cũng có thể trở thành những "con người lớn" bằng hai cách, làm được những việc lớn hoặc làm được những việc nhỏ với một tình yêu cực lớn. Và khi biết chọn

cho mình một lẽ sống phù hợp rồi sống hết mình và cháy hết mình với nó, mỗi người sẽ có được một hạnh phúc trọn vẹn. Khi đó, ta không chỉ có những khoảnh khắc hạnh phúc, mà còn có cả một cuộc đời hạnh phúc. Khi đó, tôi hạnh phúc, bạn hạnh phúc và chúng ta hạnh phúc. Đó cũng là lúc ta thực sự "chạm" vào hạnh phúc.

("Để chạm vào hạnh phúc" - Giản Tư Trung, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, 3/2/2012)

Câu 1: Theo tác giả, năng lực làm người bao gồm những gì?

Câu 2: Anh/chị hiểu như thế nào về *"nhỏ bé"* và *"con người lớn"* trong đoạn trích trên?

Câu 3: Anh/chị có đồng tình với quan điểm: "*Xã hội mở ngày nay làm cho không ai là "nhỏ bé" trên cuộc đời này, trừ khi tự mình muốn "nhỏ bé"?* Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của em về sự độc đáo của tình huống truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

- Hết -

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc – hiểu	1	Theo tác giả năng lực làm người là: có cái đầu phân biệt được thiện - ác, chân - giả, chính - tà, đúng -sai…, biết được mình là ai, biết sống vì cái gì, có trái tim chan chứa yêu thương và giàu lòng trắc ẩn.	**1.0**
	2	Cách hiểu về " nhỏ bé", và " con người lớn": + "nhỏ bé": sống khép kín, tầm thường, thua kém, tẻ nhạt, ích kỉ, … + "người lớn": là người biết mình là ai, biết khẳng định giá trị của bản thân, có lối sống cao đẹp, có ý nghĩa, biết ước mơ và thực hiện ước mơ…	**1.0**
	3	Nêu rõ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình; lí giải hợp lí, thuyết phục. Hs có thể trả lời quan điểm của mình như sau: + Nếu theo hướng đồng tình, cần nhấn mạnh: xã hội mở là xã hội tiến bộ, phát triển, tạo điều kiện, cơ hội cho tất cả mọi người, ai cũng có thể khẳng định giá trị của bản thân, có quyền sống có ý nghĩa, có ước mơ và thực hiện ước mơ… + Nếu theo hướng phủ định, cần nhấn mạnh: xã hội dù có tiến bộ, phát triển, văn minh đến đâu mà con người vì một điều kiện nào đó không thể, không có khả năng, không chịu hòa nhập thì mãi chỉ là con người "nhỏ bé". + Nếu trả lời theo cả hai hướng vừa đồng tình vừa không đồng tình, cần kết hợp cả hai nội dung trên.	**1.0**

II. Làm văn	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	**0.5**
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Sự độc đáo của tình huống truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.	**0.5**
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	**5.0**
	* ***Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.*** - Tác giả: + Ông là một nhà văn lớn – vị trí quan trọng trong nền văn học nước nhà. + Phong cách nghệ thuật: Tài hoa và độc đáo - Tác phẩm: + Hoàn cảnh ra đời + Xuất xứ: Tập "Vang bóng một thời" In lần đầu năm 1940, gồm 11 truyện ngắn. Tác phẩm tiêu biểu và xuất sắc trước CMT8. Nội dung: Các thú chơi tao nhã của lớp Nho cuối mùa, thất thế. Ý nghĩa:Thể hiện sự tiếc nuối và trân trọng đối với các giá trị văn hóa truyền thống, thể hiện lòng yêu nước thầm kín. * ***Tính huống truyện Chữ Người Tử Tù vô cùng độc đáo*** *Tình huống* - Khái niệm: Là mối quan hệ giữa nhân vật này với nhân vật khác trong một hoàn cảnh nhất định - Vai trò của tình huống Các sự kiện, biến cố phát triển Tính cách nhân vật được bộc lộ	*0.5* *3,0*
	Tư tưởng chủ đề của tác phẩm Tài năng của tác giả <u>*Tình huống truyện Chữ người tử tù*</u>: Cuộc gặp gỡ giữa Huấn Cao và Quản ngục + Hoàn cảnh: Đặc biệt + Không gian: Tù ngục + Thời gian: những ngày cuối cùng của tử tù + Mối quan hệ giữa nhân vật: Éo le, phức tạp - Diễn biến tình huống - Tình huống lựa chọn Quản Ngục Thực thi bổn phận Theo đuổi cái đẹp Huấn Cao Giữ nguyên thái độ coi thường Quản ngục Thay đổi thái độ trân trọng Quản ngục	*0,5* *1,0*

	- Nghệ thuật xây dựng tình huống: Nghệ thuật đối lập, nghệ thuật dựng cảnh,... - Kết quả tình huống: Cảnh cho chữ xưa nay chưa từng có. *Vai trò của tình huống* - Ngợi ca sức mạnh kì diệu cuả cái Đẹp - Tạo kịch tính hấp dẫn người đọc. - Tính cách nhân vật Huấn Cao và Quản ngục được khắc họa sắc nét. - Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: Tài hoa và độc đáo **Tình huống truyện là một thành công nghệ thuật đặc sắc.**	
	d. Ch nh tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0.5**
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**0.5**

Đề 3

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

Cách đây nhiều năm, khi xe hơi ở Việt Nam vẫn còn là thứ vô cùng xa xỉ, người bạn của tôi sau một thời gian quyết tâm dành dụm và vay mượn đã mua được một chiếc. Chỉ là một chiếc xe cũ thôi. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ anh chỉ là một nhà báo với thu nhập vừa phải và vẫn đang ở nhà thuê. Gia đình phản đối nói anh phung ph . Đồng nghiệp xì xầm rằng anh đua đòi. Bạn bè nghi ngại cho là anh học làm sang. Và anh tâm sự với tôi rằng: từ hồi còn nhỏ x u, anh đã luôn mơ mình được ngồi sau vô lăng, được tự lái xe lên rừng xuống biển. Ước mơ đó theo anh mỗi ngày. Vì vậy anh đã gom góp suốt thời gian qua, cho đến khi có thể mua được một chiếc xe cho riêng mình. Chỉ thế thôi. Rồi anh nhìn tôi và hỏi: Tại sao tôi phải trì hoãn ước mơ chỉ vì sợ người khác đánh giá sai về mình? Sao tôi phải sống theo tiêu chuẩn của người khác?

Tôi không thể tìm ra một câu trả lời đủ thuyết phục cho câu nói đó. Bởi thế, tôi luôn mang theo câu hỏi của anh bên mình. Nó nhắc tôi rằng, rất nhiều khi chúng ta vì quá lo lắng về những điều người khác đã nói, sẽ nói và có thể nói mà không dám sống với con người và ước mơ đ ch thực của mình. [...]

(Phạm Lữ Ân, *Lắng nghe lời thì thầm của trái tim*, dẫn theo petalia.org/song-dep) **Câu 1.** Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? *(1.0 điểm)*

Câu 2. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong phần văn bản sau: *"Gia đình phản đối nói anh phung ph . Đồng nghiệp xì xầm rằng anh đua đòi. Bạn bè nghi ngại cho là anh học làm sang."*? *(1.0 điểm)*

Câu 3. Theo anh/ chị có nên trì hoãn ước mơ chỉ vì sợ người khác đánh giá sai về mình không? Vì sao? *(1.0 điểm)*

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh / chị về bi kịch lưu manh hóa của nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao.

- Hết -

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc hiểu	–1	Phương thức biểu đạt nghị luận	**1.0**
	2	- Biện pháp tu từ: điệp ngữ, điệp cấu trúc - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu, giúp liên kết các câu văn. + Sự lặp lại cấu trúc giúp nhấn mạnh sự phản đối, chê bai, nghi ngại của tất cả mọi người thân quen trước việc mua xe của anh bạn đó.	**1.0**
	3	+ Nêu quan điểm cá nhân + Bàn luận làm sáng rõ quan điểm (Gợi ý: Nên vì mỗi người có quyền thể hiện cá tính bản thân, không cần chịu sự chi phối của người khác,...; Không nên vì mỗi cá nhân sống trong xã hội cần hài hòa với tập thể,...:.)	**1.0**
II.Làm văn	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		**0.25**
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận bi kịch lưu manh hóa của nhân vật Chí Phèo		**0.5**
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:		**5.5**
	**** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.*** **** Cảm nhận bi kịch lưu manh hóa của Chí Phèo*** - Là một hành trình đầy đau đớn + Trước khi vào tù là người *nông dân lương thiện* có ước mơ (*chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải...*), có lòng tự trọng (*bị một người đàn bà sai khiến hắn chỉ thấy nhục...*) + Sau khi ra tù hắn bị nhà tù phong kiến hủy hoại hình hài con người		0.5 4.0 *3.0*

	(*trông gớm chết...*), bị xã hội phong kiến tước mất cuộc sống con người (*say, chửi, ăn vạ...cũng chỉ một thằng say và những con chó giữ...*), bị bọn cường hào ác bá hủy diệt tâm hồn con người (*tay sai cho Bá Kiến, làm hại người lương thiện...*). Hắn trở thành con *quỷ dữ của làng Vũ Đại.* - Bi kịch lưu manh hóa của Chí Phèo mang tính quy luật. Những người nông dân thấp cổ bé họng trong xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám bị đọa đày đến tận cùng buộc phải chống trả bằng con đường lưu manh hóa. - Bi kịch của Chí Phèo được thể hiện qua nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên mà vẫn nhất quán, chặt chẽ; ngôn ngữ nghệ thuật đặc sắc... **** Đánh giá chung:*** - Nam Cao đã khát quát một hiện tượng xã hội vừa mang giá trị hiện thực vừa thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc. - Cảm nhận bi kịch lưu manh hóa của nhân vật Chí Phèo để thấu hiểu hơn nỗi đau của con người, để trân quý "con người trong con người"...	*1.0* 1.0
	d. Ch nh tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0.25**
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**0.5**

Đề 4:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

Cũng giống như quá trình trao đổi chất sinh học của cơ thể, chúng ta phải thanh lọc tâm hồn mình thường xuyên. Tại sao chúng ta lại để cho những tác động tiêu cực xung quanh xâm chiếm tinh thần mình một cách tự do như thế? Bất cứ khi nào bạn nhận thấy những ý nghĩ tiêu cực len lỏi vào đầu óc hay ẩn nấp đâu đó trong thái độ của mình, hãy mạnh dạn dọn sạch chúng. Nếu không, theo thời gian, những thông tin tiêu cực sẽ ứ đọng trong ta dưới hình thức những lời nói đại loại như thế này: "Anh không khá t nào", "Anh sẽ không bao giờ đạt đến vị tr đó đâu" hoặc "Anh không có tố chất cần thiết để thành công". Tình huống trên xảy ra khá thường xuyên. Rất nhiều lần, những lời bình phẩm và những gì chúng ta nói với bản thân mình là thủ phạm gây ra sự thất bại của chúng ta, nó phá vỡ sự hỗ trợ cần thiết của sự tự tin, tinh thần cầu tiến để ta có thể luôn bám sát mục tiêu và nắm quyền kiểm soát thái độ.

Bạn phải xác định rõ ràng các mục tiêu của mình và cẩn trọng trong việc duy trì một thái độ tích cực. Khi tiếp cận với cuộc sống và biết rằng sẽ có rắc rối xảy ra, bạn phải có khả năng nhìn nhận sự việc dưới góc độ tích cực nhất để hiểu rằng rắc rối đó không phải là vấn đề gì nghiêm trọng cả. Trên hành trình vươn tới vinh quang của bạn, những khó khăn, thử thách chỉ như những quả pháo sáng, giúp bạn nhận ra mình đang ở đâu so với đ ch đến.

(Jeff Keller - ***Thay thái độ đổi cuộc đời***, NXB Tổng hợp TP HCM, 2017, tr.137) **Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Việc tác giả sử dụng các ví dụ minh hoạ như: *"Anh không khá t nào", "Anh sẽ không bao giờ đạt đến vị tr đó đâu", "Anh không có tố chất cần thiết để thành công"* có tác dụng gì?

Câu 3: Anh/Chị có đồng ý với tác giả rằng: "*khả năng nhìn nhận sự việc dưới góc độ tích cực nhất*" giúp chúng ta "*hiểu rằng rắc rối không phải là vấn đề gì nghiêm trọng cả*" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Tâm sự của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bài thơ ***Tự tình*** (Bài II) của Hồ Xuân Hương

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**3.0**
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản : nghị luận.	**1.0**
	2	Tác dụng của các ví dụ: + Những câu nói đều thể hiện tâm lí thiếu tự tin, thụ động thường xuất hiện trong tâm trí của mỗi người. + Giúp người đọc nhận diện rõ hơn vấn đề mà tác giả đang bàn luận.	**1.0**
	3	Thí sinh có thể có nhiều cách nghĩ, cách diễn đạt khác nhau, song cần đảm bảo trả lời đủ câu hỏi được đặt ra, lí lẽ gãy gọn, thuyết phục. - Đồng tình/không đồng tình/đồng tình một nửa. - Lí do cụ thể. *Lưu ý: Th sinh có thể viết theo từng ý, không cần diễn đạt thành đoạn.*	**1.0**
II		**LÀM VĂN**	**7.0**
		Đề bài: Tâm sự của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bài thơ ***Tự tình*** (Bài II) của Hồ Xuân Hương	
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: Thí sinh có thể trình bày bài văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. Người viết đã biết vận dụng các kĩ năng làm văn để lạo lập một văn bản có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, hành văn mạch lạc, biết cách lựa chọn từ ngữ diễn đạt chính xác,biết cách liên kết các câu văn, đoạn văn.	**0.5**
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tâm sự của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bài thơ ***Tự tình*** (Bài II) của Hồ Xuân Hương	**0.5**
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần tập trung vào vấn đề bàn luận. Tìm hiểu giá trị nội dung trữ tình của tác phẩm *Tự tình* (bài II) là đích	

		đến của bài nghị luận này. Thao tác nghị luận chính yếu đã được chỉ ra trong đề bài : phân tích tác phẩm thơ trữ tình trung đại. Về cơ bản, bài viết trình bày được các nội dung sau :	
		- Giới thiệu chung về tác giả Hồ Xuân Hương (vị trí, đặc điểm phong cách sáng tác,...) và bài thơ *Tự tình* (bài II) (nhận xét khái quát về cảm hứng trữ tình trong chùm thơ, đặc biệt là trong bài thơ này). - Phân tích và bàn luận: Nội dung cảm xúc trong các tác phẩm thơ trữ tình - yếu tố đặc trưng cho thể loại và nhan đề bài thơ Tự tình (bài II) của Hồ Xuân Hương. - Phân tích các yếu tố ngôn ngữ thể hiện tình huống trữ tình trong bài thơ (thời gian : "đêm khuya", "trống canh dồn"; một mình cả đêm không ngủ). - Những tâm sự của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua yếu tố ngôn ngữ thuần Việt (từ ghép, từ láy), lựa chọn các từ có giá trị miêu tả, biểu đạt cảm xúc, các yếu tô ngôn ngữ dân gian; sự sáng tạo trong việc sử dụng các yếu tố thể loại (thi luật thơ cổ điển với kết cấu đề-thực-luận-kết, cách xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm trữ tình,...): + Thân phận cô đơn, dầu dãi trong cuộc đời, cảm giác bẽ bàng, chua xót "Trơ cái hồng nhan với nước non". + Nỗi buồn cô đơn, bất hạnh trong tình duyên, cuộc đời, muốn giai sầu nhưng không thể quên lãng "Chén rượu hương đưa say lại tỉnh - vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn". + Nỗi bất bình trước sự trớ trêu của cuộc đời, trong đó tiềm tàng một sức mạnh phản kháng "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám - Đâm toạc chân mây đá mấy hòn", không chấp nhận hiện thực phũ phàng "Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con". - Nhận xét chung về tác giả, tác phẩm.	**0.5** **3.5** **0.5** **0.5**
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0.5**
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	**0.5**

Đề 5:

PHẦN ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

Nếu bước chân vào bất kì bệnh viện nào và hỏi bác sĩ về "bệnh vô cảm", chắc chắn bạn sẽ không nhận được câu trả lời. Bởi đó là căn bệnh tồn tại ngoài xã hội chứ không phải đơn thuần trên giường bệnh. "Bệnh vô cảm" là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thờ ơ, lãnh đạm trước những gì diễn ra xung quanh mình. Đáng sợ hơn là nó diễn ra ngay

cả trước những đau khổ, mất mát của con người. Một ngày, bạn không còn biết yêu thương và cũng không căm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống ý nghĩa… thì ắt hẳn, bạn đang có những "triệu chứng" của căn bệnh vô cảm đáng sợ kia. Nó không làm con người ta đau đớn hay chết đi về thể xác nhưng lại làm trái tim và tâm hồn chết dần trong sự lạnh lẽo. Và phải chăng "cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống" như lời Nooc-man Ku-sin đã khẳng định?

(Theo *Bài tập Ngữ văn 12,* tập Hai, tr.75, NXBGDVN-2011)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2: Ý nghĩa câu nói của nhà văn Nooc - man Kusin được trích trong đoạn văn bản ?

Câu 3: Từ thông điệp của đoạn văn bản, em suy nghĩ gì về căn bệnh vô cảm trong cuộc sống xung quanh? (Trình bày trong khoảng 5-7 câu) **PHẦN LÀM VĂN (7 điểm)**

"Cảnh tượng xưa nay chưa từng có" trong *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân)

- Hết -

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	1.0
	2	Ý nghĩa: Sống chết là quy luật sinh tồn của con người, sự sống hay cái chết không phải là điều mất mát trong cuộc đời; sống mà tâm hồn trống rỗng, tẻ nhạt, tàn lụi thì đó mới là là điều mất mát đáng sợ lớn nhất trong cuộc đời.	1.0
	3	Suy nghĩ về căn bệnh vô cảm: Hs trả lời theo quan điểm cá nhân, có thể theo vài gợi ý: - Căn bệnh phổ biến trong xã hội hiện nay, bên cạnh những người sống có lý tưởng, hoài bão, tình cảm, nhiều người sống ích kỉ cho bản thân, dửng dưng với xung quanh - Tuổi trẻ cần bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, không sống vô cảm, không để cho tâm hồn mình tàn lụi chết mòn trong ao đời phẳng lặng.	1.0
Làm văn	Bài làm có hình thức của một bài văn hoàn chỉnh, có đầy đủ bố cục 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài, nắm kỹ năng làm bài NLVH cùng việc vận dụng các thao tác lập luận vừa học.		0.5
	Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảnh tượng xưa nay chưa từng có trong *Chữ người tử tù.*		0.5

	HS cần đảm bảo những nội dung sau: 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích: - Tác giả Nguyễn Tuân - người nghệ sĩ suốt đời chắc chiu say mê cái đẹp, một cây bút tài hoa với tác phẩm Vang bóng một thời, đặc biệt là tác phẩm *Chữ người tử tù.* - "Cảnh tượng xưa nay chưa từng có" là cảnh tượng cuối tác phẩm, Huấn Cao cho chữ quản ngục. - Cảnh tượng xưa nay chưa từng có: Được đặc tả bằng bút pháp đối lập độc đáo + Độc đáo về thời gian, không gian cho chữ: hoàn cảnh để cái đẹp nảy sinh, cái đẹp bất chấp hoàn cảnh. + Người cho chữ và người xin chữ: một sự thay bậc đổi ngôi trên vị thế xã hội, sự gặp nhau giữa tri âm và tri âm, giữa hai tâm hồn đồng điệu, cái đẹp bất chấp khoảng cách hay vị thế xã hội - Lời khuyên của Huấn Cao: thầy quản nên thay đổi hoàn cảnh sống, giữ thiên lương cho lành vững, cái đẹp có thể nảy sinh trên mảnh đất chết, nơi tội ác ngự trị nhưng cái đẹp không thể sống chung với các ác, cái xấu. -Thái độ của Huấn Cao: "Xin bái lĩnh", cái đẹp cứu rỗi thế giới, cứu rỗi nhân cách con người, cái đẹp chỉ có ý nghĩa khi đi liền với thiên lương * Đánh giá chung: - Ngòi bút tài hoa, lãng mạn của Nguyễn Tuân, cách xây dựng không khí cho chữ mang màu sắc cổ kính, trang trọng. - Quan niệm độc đáo của Nguyễn Tuân về cái đẹp, về người nghệ sĩ sáng tạo cái đẹp và tâm hồn nghệ sĩ thưởng thức cái đẹp.	**5.0** 1.0 3.0 1.0

Đề 6

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

Mùa xuân đã tràn về phủ hơi ấm lên mặt đất và không gian. Dù cái lạnh còn phảng phất nhưng đã nghe trong gió cái nồng nàn của sự sinh sôi. Tiếng cỏ bật mầm non t tách dưới mưa xuân. Tiếng chồi non khe khẽ cựa mình trong ánh sáng. Buổi chiều nhẹ như tơ vương. Tiếng gà gáy vọng trên đồi nghe sao mà ấm áp. Đâu đó trong con ngõ nhỏ, đài nhà ai phát đi bài hát "Mùa xuân đầu tiên" của Văn Cao với những lời tha thiết: "Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về. Mùa bình thường mùa vui nay đã về... Từ đây người biết thương người. Từ đây người biết yêu người...". Cảm giác thơ, nhẹ nhõm ùa vào lòng.

(Theo *Đi giữa trời xuân*, Bảo Trâm, Tạp chí Sông Thương, Hội Văn học nghệ thuật Bắc Giang, số 1/2014, tr.16). **Câu 1:** Xác định từ láy trong các câu văn sau: Tiếng cỏ bật mầm non tí tách dưới mưa xuân. Tiếng chồi non khe khẽ cựa mình trong ánh sáng.

Câu 2: Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: Buổi chiều nhẹ như tơ vương.

Câu 3: Anh /chị hãy trình bày những cảm xúc của bản thân được khơi gợi từ đoạn trích?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Vẻ đẹp của nhân vật viên quản ngục trong truyện ngắn "*Chữ người tử tù*" của Nguyễn Tuân.

- Hết -

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc – hiểu	1	Từ láy: tí tách, khe khẽ	**1.0**
	2	- Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh. + Tái hiện một cách sinh động khung cảnh của buổi chiều xuân thật nhẹ nhàng như tơ còn vương mắc. + Gợi được cảm xúc cho người đọc, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp rất thơ của bức tranh xuân ấy, con người dường như chỉ có thể cảm nhận bằng tâm hồn chứ không thể nào nắm bắt được vẻ đẹp ấy.	**1.**
	3	Học sinh có thể trình bày những cảm xúc khác nhau nhưng phải phù hợp với nội dung đoạn trích và thuyết phục - Gợi ý: + Cảm xúc về khung cảnh mùa xuân về và mang đến sự tươi mới trong không khí xuân tươi trẻ và khỏe khoắn. Mỗi khoảnh khắc của mùa xuân đẹp tuyệt vời như thế khiến người đọc thêm yêu hơn thiên nhiên đất nước. + Cảm xúc về giá trị của yêu thương từ lời của bài hát được trích dẫn: đó là tình cảm là lẽ sống của mỗi người. Chính tình yêu thương đã làm cho con người xích lại gần nhau,biết quan tâm và làm những điều tốt đẹp cho nhau.	**1.0**
II. Làm văn	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		**0.25**
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:		**0.5**
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:		**5.5**
	**** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.*** **** Cảm nhận về nhân vật:*** - Nội dung: Vẻ đẹp của nhân vật viên quản ngục được thể hiện qua những nét phẩm chất: - Quý trọng cái tài, ngưỡng mộ khí phách. + Quyết định biệt đãi Huấn Cao, bất chấp sự nguy hiểm và liên lụy cho bản thân. + Chân thành, cung kính với Huấn Cao. + Yêu đến say mê cái đẹp, biết thưởng thức, trân trọng và nâng niu cái đẹp. + Có sở nguyện cao quý: cả đời chỉ khao khát được treo ở nhà riêng một đôi câu đối" do chính tay Huấn Cao viết. + Biết thưởng	0.5 4.0 3.0

	thức cái đẹp. + Trân trọng, tôn kính cái tài,c ái đẹp, cái thiên lương được thể hiện qua tư thế khiêm nhường trước sự khinh bạc của Huấn Cao, hành động	
	vái người tù, câu nói: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh." - Nghệ thuật: Đặt nhân vật vào tình huống độc đáo. Đó là cuộc gặp giữa tử tù với viên quản ngục nhưng cũng là cuộc hội ngộ của những kẻ " liên tài tri kỉ". - Tác giả kết hợp bút pháp tả thực và lãng mạn. - Ngôn ngữ giàu kịch tính - Thủ pháp tương phản, đối lập - Sử dụng từ Hán - Việt tạo nên không khí trang trọng, làm sống lại không khí một thời đã xa. **** Đánh giá chung:*** Nhân vật được xây dựng bằng bút pháp hiện thực thể hiện quan điểm nghệ thuật của nhà văn: Cái đẹp tồn tại cả trong môi trường của cái ác, cái xấu, nhưng không vì thế mà nó lụi tàn, trái lại khi có cơ hội nó có thể càng mạnh mẽ.	1.0 1.0
	d. Ch nh tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0.25**
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**0.5**

Đề 7

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

Đại đa số thanh niên thời trước không ai suy nghĩ trăn trở gì lắm về cuộc đời, vì ai đã có phận nấy .

Phận là cái phần mà cuộc sống xã hội dành cho mỗi người: phận làm trai, phận giàu, phận nghèo, phận đàn bà, phận làm tôi,..Con nhà lao động nghèo, nhiều lắm học đến chín , mười tuổi đã phải lo làm ăn mong kế nghiệp cha, anh. Con nhà giàu theo học lên cao thì làm quan, kém hơn thì làm thầy. Sinh ra ở phận nào, theo phận nấy, chỉ số ít là thoát khỏi. Trái lại thanh niên ngày nay tuy cái phận mỗi người vẫn còn, song trước mặt mọi người đều có khả năng mở ra nhiều con đường. Ngày nay, sự lựa chọn cố gắng của bản thân, sự giúp đỡ của bạn bè đóng vai trò quyết định . Có sự lựa chọn tất phải có suy nghĩ trăn trở. Hết lớp tám lớp chín học gì đây? Trung học hay học nghề hay đi sản xuất? Trai gái gặp nhau bắt đầu ngập ngừng. Yêu ai đây? Yêu như thế nào? Sức khỏe tăng nhanh , kiến thức t ch lũy đã khá sống như thế nào đây? Ba câu hỏi ám ảnh : Tình yêu, nghề nghiệp, lối sống. Không thể quy cho số phận .Cơ hội chia đều sàn sàn cho mọi người.

(**Thanh niên và số phận** - *Nguyễn Khắc Viện.* Trích Tài liệu tham khảo, NXB Giáo Dục)

Câu 1. Tìm những từ, cụm từ dùng để chỉ số phận mỗi người theo quan niệm của xã hội xưa.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng nghệ thuật được sử dụng trong câu sau:

"*Trung học hay học nghề, hay đi sản xuất?*"

Câu 3. Trình bày quan điểm của bản thân trước câu nói: " *Trái lại , thanh niên ngày nay tuy cái phận mỗi người vẫn còn, song trước mặt mỗi người đều có khả năng mở ra nhiều con đường"*

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Anh/ chị hãy làm rõ sự chiến thắng của "*Thiên lương*" con người qua cảnh Huấn Cao cho chữ Viên quản ngục, trong tác phẩm "*Chữ người tử tù*" của Nguyễn Tuân.

- Hết -

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc – hiểu	1	Những cụm từ chỉ số phận là: phận làm trai, phận giàu, phận nghèo, phận làm tôi, phận đàn bà.	**1.0**
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu nói là: Câu hỏi tu từ Tác dụng nghệ thuật: Làm nổi bật sự suy tư trăn trở của thanh niên trước ngưỡng cửa bước chân vào đời.	**1.0**
	3	Học sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình trước câu nói, trình bày cách nghĩ của bản thân. - Gợi ý: Mỗi người có một xuất phát điểm khác nhau nhưng nếu có ý chí nghị lực, quyết tâm chúng ta vẫn có thể thay đổi hoàn cảnh và đạt được thành công ngoài mong đợi. Ông bà ta vẫn có câu phủ nhận sự áp đặt của số phận: "*Đôi khi nhân định thắng thiên cũng thường*".	**1.0**
II. Làm vvăn	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		**0.25**
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Sự chiến thắng của "*Thiên lương*" con người qua cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục.		**0.5**
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:		**5.5**
	**** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.*** **** Phân tích cảnh cho chữ để làm sáng tỏ sự chiến thắng của thiên lương từ đó rút ra những quan niệm về cái cái mà Nguyễn Tuân gửi gắm.*** - Phân chứng và chứng minh sự chiến thắng của "*thiên lương*" qua cảnh tượng xưa nay chưa từng có. .Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối : Cho chữ diễn ra lúc đêm khuya, buồng giam vốn tối tăm, đêm khuya khoắt càng dày đặc bóng tối. Nhưng ánh sáng đỏ rực của ánh đuốc soi tỏ ba cái đầu chụm vào nhau trên tấm lụa trắng tinh và lửa đóm cháy rừng rực đã xua tan và đẩy lùi bóng tối dày đặc chốn ngục tù.Và trong cảnh tượng này dừng như mọi khoảng cách ranh giới đã bị xóa nhòa chỉ còn những tâm hồn tri kỉ bên cái đẹp. .Sự chiến thắng của cái đẹp , cái cao thượng đối với cái phàm tục, sự dơ bẩn: "*Một buồng giam chật hẹp , ẩm ướt , tường đầy mạng nhện , đất đầy phân chuột , phân gián*" đối lập gay gắt với màu trắng tinh của phiến lụa và mùi thơm bốc lên từ chậu mực. Hai thực thể tượng trưng cho sự tinh khiết và hương thơm của tình người , tình đời. Sự tinh khiết ấy, hương thơm ấy đã khử uế cho những hôi thối dơ bẩn chốn ngục tù. .Sự chiến thắng của tâm thế tự do, tự tại với tư thế khúm núm cúi đầu:		0.5 4.0 *3.0*

m

	Đây là sự đối lập giữa con người và con người. Người bị trị thì đường hoàng hiên ngang, ung dung "*người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh*" còn kẻ thống trị thì khúm núm , run run , khom lưng ,cúi đầu "*thầy thơ lại run run bưng chậu mực, viên quản ngục khúm núm cất từng đồng tiền kẽm..*". Kẻ có chức năng giáo dục tội phạm lại bị tội phạm giáo dục , Huấn Cao đỡ thầy quản ngục đứng thẳng dậy và khuyên bảo, viên quản ngục nghẹn ngào xúc động xin bái lĩnh. Rõ ràng đây là sự chiến thắng của cái đẹp , cái thiên lương của con người. -Để làm rõ sự chiến thắng của cái đẹp , cái thiên lương Nguyễn Tuân vận dụng triệt để nghệ thuật tương phản và hệ thống ngôn ngữ giàu chất tạo hình để phục dựng không khí cổ xưa nhằm toát lên một cảnh tượng đặc biệt xưa nay chưa từng có, và sự chiến thắng đầy thuyết phục của thiên lương. * **Đánh giá chung:** Sự chiến thắng của thiên lương được xây dựng cô đọng trong cảnh cho chữ, góp phần làm toát lên những quan niệm về cái đẹp mà tác giả muốn gửi gắm. Cái đẹp có thể xóa nhòa mọi ranh giới và giai cấp. Cái đẹp có thể nảy sinh trên mảnh đất chết nhưng không thể sống chung với cái xấu và cái ác . Cái đẹp có chức năng cảm hóa và giúp con người phục thiện.	1.0 1.0
	d. Ch nh tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu	**0.25**
	e. Sáng tạo Có những lập luận và cảm nhận sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, giàu cảm xúc.	**0.5**

Đề 8

Phần I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:

Huyền b và mênh mông đủ làm choáng ngợp, vẻ đẹp của Sơn Đoòng được báo chí quốc tế cho rằng xứng đáng với số tiền mà du khách đã bỏ ra khi khám phá nơi đây. Hang Sơn Đoòng dài khoảng 9km, có rừng rậm nhiệt đới và dòng sông. Không gian bên trong hang có thể chứa được... một tòa nhà 40 tầng.

Nhưng điều quan trọng mà nhiều người chưa biết đến là việc hình thành hang động Sơn Đoòng không phải theo cách truyền thống - đá vôi bị hoà tan bởi nước mưa, lâu dần theo thời gian hàng triệu năm, nước bào mòn các hoà tan thành hang động vĩ đại. Với "siêu hang động" Sơn Đoòng, câu chuyện ở một hướng khác.

Sơn Đoòng nằm trên một đường đứt gãy hướng Bắc - Nam, chính trục đứt gãy này tạo điều kiện cho hang động lớn nhất thế giới này hình thành một cách mạnh mẽ qua dòng chảy không gì cản được của dòng nước lũ và bào mòn thành hang động tuyệt vời mà các nhà khoa học gọi là "Một vũ trụ bị bỏ quên nằm ẩn mình trong một hệ sinh thái độc đáo. Điều này không được tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác trên hành tinh này".

(Theo dulich.dantri.com.vn ngày 17/05/2015)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên (0,5đ)

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chủ yếu được sử dụng trong đoạn trích (1đ)

Câu 3. Từ nội dung của đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân đối với các danh thắng thiên nhiên của đất nước (1,5đ)

Phần 2. TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Chất thơ trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

- Hết-

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc – hiểu	1	Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích là: *"Huyền bí và mênh mông đủ làm choáng ngợp, vẻ đẹp của Sơn Đoòng được báo chí quốc tế cho rằng xứng đáng với số tiền mà du khách đã bỏ ra khi khám phá nơi đây."*	0,5
	2	Phương thức biểu đạt chủ yếu: thuyết minh.	**1.0**
	3	Thí sinh có thể có những cảm xúc và suy nghĩ khác nhau, nhưng cần nêu bật được: Cảm xúc yêu mến, tự hào trước vẻ đẹp của hang Sơn Đoòng cũng như những danh thắng thiên nhiên khác có trên đất nước. Từ đó, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp đó; đồng thời, phải có những hành động thiết thực để bảo tồn cũng như quảng bá các di sản thiên nhiên của đất nước.	**1.5**

m

Làm văn 7,0 điểm	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	1.0
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: chất thơ trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ.*	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: *** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận**	1.0
	*** Giải thích khái niệm "chất thơ"** Là vẻ đẹp chất trữ tình thi vị toát ra từ tác phẩm, tạo nên sức hấp dẫn riêng, thường đem lại cảm giác man mác, nhẹ nhàng, nhiều dư vị cho người đọc.	0.5
	*** Chất thơ trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*** - Ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, nhịp điệu và cảm xúc. - Âm điệu buồn và những cảm xúc mơ hồ thường gặp trong thơ. - Chất thơ được tái hiện qua bức tranh thiên nhiên lãng mạn và cảnh đoàn tàu. - Chất thơ thể hiện qua vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Liên.	3.0
	- Chất thơ còn ẩn trong những vẻ đẹp hồn nhiên của cuộc sống đời thường bình dị mà trái tim nhạy cảm của nhà văn đã thâu nhận, dựng lên một không gian trữ tình mang hồn quê Việt.	
	*** Đánh giá** - Chất thơ trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* tạo là một phương diện hấp dẫn của truyện ngắn này. - Chất thơ ấy là biểu hiện đặc sắc trong bút pháp nghệ thuật và cách xây dựng nội dung tác phẩm của Thạch Lam.	1.0

Đề 9

PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Sáu con người, do sự tình cờ của số phận, mắc kẹt vào cùng một cái hang rất tối và lạnh. Mỗi người chỉ còn một que củi nhỏ trong khi đống lửa ch nh đang lụi dần.

Người phụ nữ đầu tiên định quẳng que củi vào lửa, nhưng đột nhiên rụt tay lại. Bà vừa nhìn thấy một khuôn mặt da đen trong nhóm người da trắng. Người thứ hai lướt qua các bộ mặt quanh đống lửa, thấy một người trong số đó không đi chung nhà thờ với ông ta. Vậy là thanh củi cũng bị thu về. Người thứ ba trầm ngâm trong một bộ quần áo nhàu nát. Ông ta kéo áo lên tận cổ, nhìn người đối diện, nghĩ thầm:"Tạo sao mình lại phải hi sinh thanh củi để sưởi ấm cho con heo béo ị giàu có kia?". Người đàn ông giàu lui lại một chút, nhẩm t nh: "Thanh củi trong tay, phải khó nhọc lắm mới kiếm được, tại sao ta phải chia sẻ nó với tên khố rách áo ôm lười biếng đó?". Ánh lửa bùng lên một lần cuối, soi rõ

khuôn mặt người da đen đang đanh lại, lộ ra những nét hằn thù: "Không, ta không cho phép mình dùng thanh củi này sưởi ấm những gã da trắng!".

Chỉ còn lại người cuối cùng trong nhóm. Nhìn những người khác trầm ngâm trong im lặng, anh ta tự nhủ: "Mình sẽ cho thanh củi, nếu có ai đó ném phần của họ vào đống lửa trước."

Cứ thế, đêm xuống dần. Sáu con người nhìn nhau căng thẳng, tay nắm chặt những que củi. Đống lửa chỉ còn than đỏ rồi lụi tắt. Sáng hôm sau, khi những người cứu hộ tới nơi, cả sáu đều đã chết cóng…

(Theo *Quà tặng cuộc sống*)

Câu 1 (1 điểm): Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Câu 2 (1 điểm): Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 3 (1 điểm): Thông điệp mà em tâm đắc nhất trong văn bản?

PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng của người phụ nữ trong bài thơ *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương.

- Hết-

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	1	Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuật.	1,0
	2	Chủ đề văn bản: Lòng ích kỉ, tư tưởng cá nhân, sự phân biệt đẳng cấp, tôn giáo sẽ dẫn con người tới hậu quả nghiêm trọng.	1,0
	3	Học sinh có thể trình bày theo nhiều ý khác nhau, nhưng đảm bảo đó là	1,0
		thông điệp giàu tính nhân văn và có cách lí giải hợp lý vì sao mình lại chọn thông điệp đó.	
Làm văn			
	1	Bài làm có hình thức của một bài văn hoàn chỉnh, có đầy đủ bố cục 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.	0,5
		Xác định đúng vấn đề nghị luận: tâm trạng của người phụ nữ trong bài thơ *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương.	0,5
		Giới thiệu vấn đề nghị luận	0,5
		- * Học sinh thể hiện rõ các luận điểm của mình; luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng cụ thể trong văn bản tác phẩm. Có bình luận nâng cao vấn đề, cố gắng triển khai thao tác so sánh giữa văn bản với các văn bản khác cùng chủ đề (*Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du, *Thương vợ* của Tú	5.0

	Xương….) * Học sinh cần đảm bảo các ý sau: - Giới thiệu tác gia Hồ Xuân Hương và bài thơ *Tự tình II* (giới thiệu 2 bài *Tự tình* còn lại và các bài thơ mang đặc trưng phong cách của Hồ Xuân Hương) - **Hai câu đề:** Con người đối diện với chính mình trong những suy tư, trăn trở, quạnh hiu, cô đơn, lẻ loi. Tiếng trống của tâm trạng gợi sự rối bời, lo âu, buồn bã của một con người ý thức được sự trôi chảy của thời gian, cuộc đời. Hồ Xuân Hương cảm nhận được sự bẽ bàng của duyên phận, bộc lộ nỗi đau đớn, xót xa, cay đắng của nhà thơ trước cảnh ngộ của mình. - **Hai câu thực:** gợi cái vòng luẩn quẩn, sau mỗi lần tỉnh lại thấm thía thêm nỗi đau duyên phận. Ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh, trăng và người có sự đồng nhất, hòa hợp =>Tâm trạng xót xa, cay đắng cho duyên phận lỡ làng. - **Hai câu luận:** Thiên nhiên cũng mang nỗi niềm phẫn uất, phản kháng của con người: Rêu *xiên ngang mặt đất*, đá *đâm toạc chân mây* như vạch đất xé trời cho thỏa uất ức, tức giận => Tâm trạng phẫn uất, phản kháng của con người có ý thức vươn lên, tự tin, không cam chịu. - **Hai câu kết:** Tâm trạng chán chường, buồn tủi: mùa xuân của đất trời qua đi rồi sẽ quay trở lại, còn tuổi thanh xuân của con người thì không → Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân => Bài thơ khép lại bằng tâm trạng ngán ngẫm, buông xuôi, bất lực	
	- *Sáng tạo* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới	0,5

Đề 10

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

MÙA HẠ Xuân Quỳnh

Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn trên khắp ngả
Đất thành cây, mật trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng Biển
xanh thẳm, cánh buồm lồng lộng trắng Từ
những miền cay đắng hoá thành thơ.

Đó là mùa của những ước mơ
Những dục vọng muôn đời không xiết kể

Gió bão hoà, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hoá tình yêu

Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang trưa

Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa Ôi
tuổi trẻ bao khát khao còn, hết? Mà
mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.

28-6-1986

(*Thơ Xuân Quỳnh*, Kiều Văn chủ biên, NXB Đồng Nai, 1997)

Câu 1*(1.0 điểm)* **:** Tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi tả bức tranh mùa hè rực rỡ, căng tràn nhựa sống.

Câu 2 *(1.0 điểm)*: Tìm và phân tích hiệu quả biểu đạt của một biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong bốn khổ thơ đầu.

Câu 3 *(1.0 điểm):* Anh/ chị hiểu như thế nào về ý thơ: *Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa/ Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết?/ Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển / Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa ?*

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Hình tượng người phụ nữ trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương.

----------Hết----------

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc	1	Những từ ngữ, hình ảnh gợi tả một mùa hè rực rỡ, căng tràn nhựa sống:	**1.0**
– hiểu		*tiếng chim reo, trời xanh biếc, nắng tràn, mật trào lên vị quả, vạn vật phơi trần dưới nắng, biển xanh thẳm, cánh buồm lồng lộng trắng, cánh diều giấy nghiêng, vòm trời cao vút…*	
	2	- Biện pháp tu từ: điệp ngữ "đó là mùa" - Hiệu quả biểu đạt: + Gợi tả cụ thể, sinh động những nét đặc trưng rất riêng của mùa hè trong cảm nhận của nhà thơ. + Tăng tính biểu cảm cho lời thơ.	**1.0**

	3	- Ý thơ thể hiện sự ngỡ ngàng của một "cái tôi" âu lo Xuân Quỳnh trước dòng chảy của tháng năm và mùa hạ - tuổi trẻ của chính mình. Hỏi nhưng đồng thời là sự khẳng định: mặt đất chỗ nào màu xanh chỗ đó vẫn là biển, quả ngọt ngào vẫn thắm thiết mang sắc màu của hoa; con người cũng thế, dù năm tháng đã đi qua nhưng những khát khao, những mơ ước mãi vẫn còn không thể mất. - Lời thơ giàu chất triết lí: sự sống là vĩnh hằng, bất diệt khi biết cháy hết mình những khát vọng tuổi trẻ; sống có ý nghĩa, thì mùa Hạ vẫn mãi bên ta...	**1.0**
II. Làm văn		*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	**0.25**
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận vẻ đẹp của hình tượng người vợ trong tác phẩm *Thương vợ*	**0.5**
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		**** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận. * Cảm nhận*** * Học sinh thể hiện rõ các luận điểm của mình; luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng cụ thể trong văn bản tác phẩm. Có bình luận nâng cao vấn đề, cố gắng triển khai thao tác so sánh giữa văn bản với các văn bản khác cùng chủ đề (*Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du, *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương….). * Học sinh cần đảm bảo những ý sau: - Thời gian và không gian - Gợi sự vất vả triền miên, không ngơi nghỉ và khơi gợi tư thế cheo leo, chênh vênh tgrong địa thế buôn bán từ đó nhấn mạnh cuộc sống bấp bênh, cực khổ của bà Tú. - Tác giả so sánh, đồng nhất con cò với hình ảnh bà Tú với hình ảnh con cò trong ca dao: Thui thủi, lam lũ, bươn chải từ đó gợi nỗi đau thân phận, tô đậm sự đơn chiếc, nắng sương tất cả, cực nhọc, đầy bất trắc của bà Tú. - Hoàn cảnh sống cơ cực lại là cơ hội thử thách vẻ đẹp tâm hồn và đức hi sinh của bà Tú: đảm đang, chịu thương, chịu khó; đầu tắt mặt tối để chăm sóc đầy đủ về mặt vật chất lẫn tinh thần cho chồng và con; cam chịu, chấp nhận hi sinh mà không hề kêu ca hay phàn nàn; vị tha, bao dung, nhân hậu; sâu sắc và thấu hiểu chồng. \ Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam điển hình của thời phong kiến.	**0.5** **0.5** **1.5** **1.5** **1.5**
		d. Ch nh tả, ngữ pháp	**0.25**

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**0.5**

Đề 11

PHẦN ĐỌC – HIỂU

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :

...(1) Thật vậy, Nguyễn Du, đại thi hào của dân tộc từng viết: "Sách vở đầy bốn vách/ Có mấy cũng không vừa". Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như "cái đạo" đọc sách cũng dần phôi pha. Sách in nhiều nơi không bán được, nhiều nhà xuất bản đóng cửa vì thua lỗ, đặc biệt sách bị cạnh tranh khốc liệt bởi những phương tiện nghe nhìn như ti vi, Ipad, điện thoại Smart, và hệ thống sách báo điện tử trên Internet. Nhiều gia đình giàu có thay tủ sách bằng tủ rượu các loại. Các thư viện lớn của các thành phố hay của tỉnh cũng chỉ hoạt động cầm chừng, cố duy trì sự tồn tại.

...(2) Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chăn trâu, lúc chờ xe bus... Hay hình ảnh những công dân nước Nhật mỗi người một quyển sách trên tay lúc ngồi chờ tàu xe, xem hát, v.v... càng khiến chúng ta thêm yêu mến và khâm phục. Ngày nay, hình ảnh ấy đã bớt đi nhiều, thay vào đó là cái máy t nh hay cái điện thoại di động. Song sách vẫn luôn cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống phẳng hiện nay...

(Trích *Suy nghĩ về đọc sách* – Trần Hoàng Vy, Báo Giáo dục & Thời đại, Thứ hai ngày 13.4.2015)

Câu 1. Ghi lại câu văn khái quát chủ đề của đoạn văn bản (1).

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Bỗng chợt nhớ khi xưa còn bé, với những quyển sách giấu trong áo, tôi có thể đọc sách khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chăn trâu, lúc chờ xe bus...*

Câu 3. Có ý kiến cho rằng: *Thời nay, đọc sách là lạc hậu. Sống trong thời đại công nghệ thông tin thì phải lên mạng đọc vừa nhanh, vừa dễ, vừa đỡ tốn kém.* Anh/ chị có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao?

II. LÀM VĂN *(7.0 điểm)*

Cảm nhận của anh/chị về bức tranh mùa thu trong bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến.

- Hết-

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**3,0**

	1	Câu văn khái quát chủ đề đoạn (1): *Đáng tiếc, cuộc sống hiện nay dường như "cái đạo" đọc sách cũng dần phôi pha.*	*1.0*
	2	– HS có thể chỉ ra một trong những biện pháp tu từ sau: + Liệt kê: *khi chờ mẹ về, lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, vắt vẻo trên cây, lúc chăn trâu, lúc chờ xe bus…* *+ Điệp cấu trúc: lúc nấu nồi cơm, lúc tha thẩn trong vườn, lúc chăn trâu, lúc chờ xe bus…* – Tác dụng: Nhấn mạnh sự gắn bó của tác giả, của tuổi thơ mỗi con người đối với sách.	*1,0*
	3	-Hs bày tỏ ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình -Lí giải thuyết phục.	*1,0*
II		**LÀM VĂN** Cảm nhận của anh/chị về bức tranh mùa thu trong bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến	**7.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai vấn đề, kết bài khái quát được toàn bộ nội dung nghị luận.	*0,5*
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảm nhận về bức tranh mùa thu làng quê trong bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến	*0,5*
		c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm; thể hiện được sự cảm nhận và vận dụng được các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: * Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận. 0,5 đề 3,0 * Cảm nhận bức tranh thu: – Điểm nhìn không cố định mà linh hoạt, gắn với không gian quê nhà - một vùng đồng bằng chiêm trũng tỉnh Hà Nam, thời điểm mùa thu . - Cảnh đơn sơ, thanh nhẹ chỉ được phác vẽ bằng vài nét chấm phá như trong tranh thủy mặc: ao thu nước trong veo, thuyền câu bé tẻo teo, sóng gợn tí, mây lơ lửng, trời xanh ngắt, ngõ trúc quanh co không bóng người . - Màu sắc: nổi bật nhất là màu xanh (xanh ao, xanh nước, xanh sóng, xanh trời, xanh trúc, xanh bèo) chen vào màu vàng của chiếc lá thu rơi trên mặt ao tạo nên hòa sắc nhẹ nhàng - t hành động, chuyển động, tạo nên sự vắng lặng, dịu nhẹ, tĩnh	

		mịch: sóng gợn tí, lá đưa vèo, người ngồi im, cá đớp động mơ hồ. - Ao nhỏ, thuyền nhỏ, người ngồi thu nhỏ, chiếc lá mỏng manh - Cảnh đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn. Không gian yên tĩnh, vắng người, vắng tiếng. Cảnh thu thật có hồn, thật điển hình cho làng cảnh nông thôn đồng bằng Bắc bộ Việt Nam 1,5	
		* , Nghệ thuật – Thủ pháp lấy động tả tĩnh truyền thống của Đường thi. – Nghệ thuật Đối giữa làn sóng gợn và chiếc lá thu rơi, giữa màu xanh và màu vàng, giữa từ *t* và từ *vèo*. Hiệu quả tô đậm sự tĩnh lặng, nhẹ nhàng, hài hòa của bức tranh mùa thu . – Vần *eo* đặc tả được sự vật bé, thu nhỏ lại. Tả được những nét điển hình của cảnh thu ở làng quê Việt Nam vùng đồng bằng Bắc bộ	

d. Bài viết sáng tạo: Bài viết có cách diễn đạt sáng tạo, thể *0,5* hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

e. Đúng chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. *0,5* **Đề 12**

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

1) Cái giá phải trả cho sự cống hiến có thể là rất đắt, nhưng chắc chắn nó sẽ đắt hơn rất nhiều nếu bạn quyết định thôi không sống hết mình, bởi khi ấy bạn đã không thể sống thật với bản chất của mình.

2) Thế giới không đòi hỏi bạn phải luôn thể hiện mình, luôn nghĩ về người khác mà bỏ quên bản thân. Thế giới cũng không đòi hỏi bạn phải luôn cống hiến. Nhưng nếu muốn sống một cuộc sống đầy ý nghĩa, hãy nắm bắt tất cả những cơ hội để cống hiến sức mình, và nếu có thể, hãy tạo ra chúng. Hãy cho đi để thấy được mình đang có những gì. Đừng xem việc giúp đỡ người khác là một sự hi sinh mà hãy nghĩ rằng đó là cơ hội để thể hiện con người, năng lực và giá trị của bạn. Mỗi người khi sinh ra vốn dĩ đã là một cá thể độc đáo. Mỗi chúng ta đều có những giá trị nhất định đối với bản thân, cộng đồng và xã hội. Vì vậy, chúng ta đều luôn trong tư thế sẵn sàng để cống hiến.

3) Nếu không cống hiến hết mình cho thế giới này, vậy phần bạn giữ lại đó, bạn định sẽ dâng tặng cho một thế giới nào khác chăng?

(Kent M.Keith Ph.D, *10 nghịch lí cuộc sống*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr 144-145)

Câu 1: Xác định câu chủ đề của đoạn 2). *(1.0 điểm)*

Câu 2: Theo tác giả bài viết, vì sao mỗi chúng ta "*đều luôn trong tư thế sẵn sàng để cống hiến*"*? (1.0 điểm)*

Câu 3: Nêu thông điệp chính của đoạn trích. *(1.0 điểm)*

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của mùa thu đất nước qua đoạn thơ sau:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.

(Nguyễn Khuyến, *Câu cá mùa thu*, Ngữ văn 11, tập 1, tr22)

- Hết -

II. Hướng dẫn chấm chi tiết

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	1	Câu chủ đề của văn bản: *Vì vậy, chúng ta đều luôn trong tư thế sẵn sàng để cống hiến.*	1.0
	2	Mỗi chúng ta *đều luôn trong tư thế sẵn sàng để cống hiến* vì: - Mỗi người đều muốn sống một cuộc sống đầy ý nghĩa. - Mỗi người đều khao khát khẳng định năng lực và giá trị của bản thân. - Mỗi người khi sinh ra vốn dĩ đã là một cá thể độc đáo. Mỗi chúng ta đều có những giá trị nhất định đối với bản thân, cộng đồng và xã hội. *Thí sinh trả lời được 2/3 số ý vẫn được điểm tối đa.*	1.0
	3	Thông điệp: Muốn làm những việc lớn, hãy bắt đầu từ những việc nhỏ.	1.0
Làm văn	Bài làm có hình thức của một bài văn hoàn chỉnh, có đầy đủ bố cục 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.		0.5
	Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của mùa thu đất nước qua đoạn thơ.		0.5
	HS được tự do lựa chọn hình thức lập luận phù hợp để cảm nhận vẻ đẹp của mùa thu trong đoạn thơ, tuy nhiên, lập luận phải khoa học. Sau đây chỉ là gợi ý về các bước cơ bản: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Nguyễn Khuyến là nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam; *Chùm thơ thu* là bộ ba tác phẩm đặc sắc viết về mùa thu, *Câu cá mùa thu* tiêu biểu cho vẻ đẹp của mùa thu Bắc Việt. Giới thiệu đoạn thơ. - Cảm nhận vẻ đẹp của mùa thu đất nước trong đoạn thơ: + Mùa thu trong sáng và nhẹ nhàng qua những từ ngữ trực tiếp hoặc gián tiếp chỉ màu sắc: ao trong, nước trong, sóng biếc, lá vàng, vừa thanh dịu vừa có điểm nhấn (HS cần đưa dẫn chứng và lí lẽ để chứng minh). + Thế giới hình ảnh cân đối, hài hòa, tương hợp gợi vẻ đẹp duyên dáng, xinh xắn.		5.5 *0.5* *4.0* *1.0*

+ Những chuyển động nhẹ nhàng gợi không gian thanh vắng, yên tĩnh: *hơi gợn tí*, *khẽ đưa vèo*. - Nhận xét về nghệ thuật: hình ảnh bình dị với làng quê Việt Nam, thoát khỏi công thức cổ điển, ngôn từ thuần Việt với cách gieo vần độc đáo. - Đánh giá chung: mùa thu đất nước yên bình, mang vẻ đẹp làng mạc, thân thương qua sự cảm nhận tinh tế của Nguyễn Khuyến đánh thức những rung động thẩm mĩ về quê hương đất nước.	
Bài làm có sáng tạo trong cách thức trình bày hoặc có cách nhìn mới mẻ, thuyết phục về nội dung tư tưởng.	1.0